

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI, TỪ CHỐI, CHỈ ĐỊNH NGƯỜI BẢO CHỮA VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

PHAN THỊ THANH MAI *

Tóm tắt: Quyền bảo chữa là quyền con người của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự. Ngoài việc tự bào chữa, người bị buộc tội còn được lựa chọn, thay đổi và từ chối người bào chữa. Trong những trường hợp luật định, người bào chữa còn do các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định. Trên cơ sở nghiên cứu những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về lựa chọn, thay đổi, từ chối, chỉ định người bào chữa, bài viết đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của Bộ luật này về lựa chọn, thay đổi, từ chối, chỉ định người bào chữa nhằm bảo đảm tốt hơn quyền bào chữa của người bị buộc tội.

Từ khoá: Chỉ định; người bị buộc tội; người bào chữa

Nhận bài: 28/01/2021

Hoàn thành biên tập: 17/5/2021

Duyệt đăng: 17/5/2021

CURRENT LEGAL PROVISIONS ON CHOOSING, CHANGING AND APPOINTING THE DEFENSE COUNSEL AND SOME RECOMMENDATIONS

Abstract: The right to defense is one of the human rights vested in all suspects and accused persons in criminal proceedings. Besides the right of self-defense, the accused persons are entitled to choose, to change, or to refuse a defense counsel. In specific circumstances under the law, a defense barrister is appointed or assigned by competent prosecution agencies. The article studies the provisions of the Criminal Procedure Code 2015 on electing, changing, refusing, or appointing the defense counsel. Based on the research findings, the author proposes the supplementation and amendment of some provisions of the Criminal Procedure Code 2015 on choosing, changing, refusing, or appointing the defense counsel to ensure further the right to defense of the accused persons.

Keywords: Appoint; the accused persons; the defense counsel

Received: Jan 28th, 2021; Editing completed: May 17th, 2021; Accepted for publication: May 17th, 2021

1. Khái quát về quyền bào chữa

Quyền bào chữa là quyền con người được ghi nhận trong các công ước quốc tế về nhân quyền như Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.⁽¹⁾ Ở Việt Nam, quyền bào chữa cũng

được ghi nhận từ rất sớm và được quy định trong các bản hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013. Theo tác giả Tô Văn Hòa, “ở góc độ lý luận, khi nói tới một quyền cơ bản hiến định cụ thể thì bao giờ cũng có 4 chiều cạnh: chủ thể của quyền, nội dung của quyền, thời điểm được hưởng quyền, địa điểm thực hiện quyền”.⁽²⁾ Nhận thức về

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: phanthanhmai@hlu.edu.vn

(1). Điều 11 Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948; khoản 3 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.

(2). Tô Văn Hoà, “Tư tưởng hạn chế quyền con người và nội dung nguyên tắc hạn chế quyền con người hiến định theo Hiến pháp năm 2013”, *Tạp chí Luật học*, số 8/2016, tr. 35.

quyền bào chữa được quy định tại khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 với nội dung “*người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa*” ở các chiều cạnh như đã nêu trên thì quyền bào chữa không dành cho tất cả mọi người mà là quyền đặc thù được dành cho người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử (người bị buộc tội). Để thực hiện quyền bào chữa, người bị buộc tội có thể tự mình hoặc thực hiện thông qua người khác do lựa chọn hoặc được chỉ định. Quyền bào chữa được thực hiện trong thời gian người bị buộc tội tham gia tố tụng hình sự và quyền này được bảo đảm cho mọi người bị buộc tội ở bất kì đâu trên lãnh thổ Việt Nam. Nội dung quyền bào chữa là tổng thể các quyền mà pháp luật quy định, cho phép mà người bị buộc tội có thể sử dụng nhằm bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.⁽³⁾ Không chỉ là các quyền chống lại việc buộc tội, quyền bào chữa còn để bảo vệ các quyền nhân thân, quyền tài sản hợp pháp khác của người bị buộc tội.⁽⁴⁾ Trong pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế, các quyền cấu thành

quyền bào chữa bao gồm: quyền được tự bào chữa; được có người bào chữa do mình lựa chọn; quyền có đủ thời gian để chuẩn bị cho phiên tòa, bao gồm tiếp xúc với người bào chữa; quyền được giao tiếp bí mật với luật sư; quyền bào chữa thông qua trợ giúp pháp lý; quyền được yêu cầu tạm hoãn thủ tục tố tụng để được tham vấn luật sư; quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp; quyền không phải chấp nhận luật sư là người không đủ năng lực hoặc thiếu cẩn trọng trong khi bị can, bị cáo có luật sư phù hợp; quyền bào chữa là trong tất cả các giai đoạn tố tụng đối với người bị buộc tội theo khung hình phạt tử hình.⁽⁵⁾ Là quyền con người, quyền công dân được quy định trong Hiến pháp, quyền bào chữa phải được tôn trọng và bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp toàn diện, trong đó việc ghi nhận quyền bào chữa và trách nhiệm bảo đảm quyền bào chữa của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quy định về thủ tục thực hiện quyền bào chữa bằng pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) là một bảo đảm hết sức quan trọng. Chế định bào chữa là một trong những chế định trọng tâm của Bộ luật TTHS năm 2015 và có nội dung rộng. Bài viết này chỉ tập trung nghiên cứu quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 về lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa và chỉ định người bào chữa được quy định tại các điều 75, 76, 77, 78 Bộ luật TTHS năm 2015 và một số điều luật khác có liên quan.

(3). Hoàng Thị Sơn, *Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 14; Nguyễn Văn Tuấn, *Quyền bào chữa và vai trò của luật sư trong tố tụng hình sự*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2003, tr. 32.

(4). *Thuật ngữ pháp lý phổ thông, tập 1*, bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Quốc Việt, Đinh Thế Công, Nguyễn Bình, dịch từ nguyên bản tiếng Nga của I. A. Azovkin và tập thể tác giả, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 1986, tr. 18; Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi (chủ biên), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb. Đại học quốc gia, 2019, tr. 89.

(5). Chương trình phát triển Liên hợp quốc, *Báo cáo nghiên cứu quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn ở Việt Nam*, Hà Nội, 02/8/2010, tr. 13, 14; Nguyễn Văn Tuấn, sdd, tr. 9, 10.

2. Quy định của pháp luật hiện hành về lựa chọn, thay đổi, từ chối và chỉ định người bào chữa

2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về lựa chọn người bào chữa

Việc lựa chọn người bào chữa được quy định tại Điều 75 Bộ luật TTHS năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này, người bào chữa do người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ lựa chọn. Trường hợp người đại diện hoặc người thân thích của người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam có đơn yêu cầu nhờ người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để có ý kiến về việc nhờ người bào chữa. Người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận từ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên cử bào chữa viên nhân dân để bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình. Trước đây, quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 còn nhiều bất cập như không quy định cách thức thông báo, giải thích quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa; không quy định rõ thủ tục xác nhận việc từ chối người bào chữa; không quy định người thân thích của người bị buộc tội lựa chọn người bào chữa; thủ tục đăng ký bào chữa phức tạp và kéo dài v.v.. Những bất cập đó là một trong những nguyên nhân hạn chế quyền lựa chọn người bào chữa của người bị buộc tội, đặc biệt là những người đang bị tạm giữ, tạm giam.

Theo báo cáo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, “việc thân nhân người bị tạm giữ, bị can làm thủ tục nhờ luật sư gặp rất nhiều khó khăn, không có cơ chế kiểm soát việc giải thích và đảm bảo quyền nhờ luật sư từ phía cơ quan điều tra, nên nhiều trường hợp luật sư do thân nhân gia đình nhờ đã bị từ chối với nhiều lí do không rõ ràng”.⁽⁶⁾ Để khắc phục các bất cập nói trên, bảo đảm quyền nhờ người bào chữa của những người bị buộc tội, đặc biệt là những người đang bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn có tính chất cách li khỏi đời sống xã hội như bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam, Điều 75 Bộ luật TTHS năm 2015 đã quy định chi tiết, cụ thể về thủ tục nhờ người bào chữa và quy định chặt chẽ về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo đảm quyền nhờ người bào chữa của những đối tượng này. Cụ thể, khoản 2, khoản 3 Điều 75 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đơn yêu cầu người bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lí người bị bắt, người bị tạm giữ có trách nhiệm chuyển đơn này cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của họ. Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ không nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lí người bị bắt, bị tạm giữ phải chuyển đơn này cho người đại diện hoặc người thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa; trong thời hạn 24 giờ

(6). Đảng đoàn Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Báo cáo số 26-BC/ĐDLĐLSVN ngày 18/7/2013 về thực trạng hành nghề luật sư trong hoạt động tố tụng hình sự.

kể từ khi nhận được đơn yêu cầu người bào chữa của người bị tạm giam thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị tạm giam có trách nhiệm chuyển đơn này cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của họ. Trường hợp người bị tạm giam không nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị tạm giam phải chuyển đơn này cho người đại diện hoặc người thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa. Trường hợp người đại diện hoặc người thân thích của người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam có đơn yêu cầu nhờ người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để có ý kiến về việc nhờ người bào chữa. Quy định này còn được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 quy định trách nhiệm của lực lượng công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; bảo vệ lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố (sau đây gọi tắt là Thông tư số 46/2019/TT-BCA). Theo quy định tại Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền tố tụng phải nhanh chóng giải thích, thông báo quyền nhờ người bào chữa cho người bị buộc tội ngay khi tiếp nhận người bị bắt; khi giao lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; giao quyết

định tạm giữ cho người bị tạm giữ, giao quyết định khởi tố bị can cho bị can và ghi vào biên bản giao nhận (biên bản phải ghi rõ ý kiến họ có nhờ người bào chữa hay không). Nếu những người này nhờ người bào chữa thì việc chuyển đơn yêu cầu người bào chữa do cơ quan đang quản lý họ gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan (phải có kí nhận tại sổ giao nhận công văn, tài liệu) hoặc gửi qua đường bưu chính. Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam chưa yêu cầu nhờ người bào chữa thì trong lần đầu tiên lấy lời khai người bị bắt, người bị tạm giữ, lần đầu tiên hỏi cung bị can, điều tra viên hoặc cán bộ điều tra phải hỏi rõ họ có nhờ người bào chữa hay không và phải ghi ý kiến của họ vào biên bản. Nếu họ có yêu cầu nhờ người bào chữa thì phải hướng dẫn họ viết đơn nhờ người bào chữa và chuyển đơn của họ cho người bào chữa hoặc người thân thích của họ theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Bộ luật TTHS năm 2015. Trường hợp họ không nhờ người bào chữa thì trong thời hạn 12 giờ sau khi lấy lời khai người bị bắt, người bị tạm giữ, 24 giờ kể từ khi hỏi cung bị can lần đầu, điều tra viên hoặc cán bộ điều tra đã lấy lời khai, hỏi cung có trách nhiệm thông báo cho người đại diện hoặc người thân thích của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam (Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BCA). Người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội cũng có quyền lựa chọn người bào chữa. So với Bộ luật TTHS năm 2003, quyền lựa chọn người bào chữa được mở rộng hơn, bao gồm cả người thân thích của người bị buộc tội. Quy định này “nhằm giải

quyết những vướng mắc trong cơ chế, bảo đảm cho người bị buộc tội đang bị tạm giữ, tạm giam có cơ hội tiếp cận với người bào chữa”.⁽⁷⁾ Việc nhận, xử lý đơn yêu cầu nhờ người bào chữa của người đại diện hoặc người thân thích của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam được hướng dẫn cụ thể tại Điều 4 Thông tư số 46/2019/TT-BCA với nội dung cơ bản như sau: cơ quan điều tra đang thụ lý vụ án, nhà tạm giữ, trại tạm giam đang quản lý người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam có trách nhiệm tiếp nhận đơn yêu cầu nhờ người bào chữa của người đại diện hoặc người thân thích của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ của họ với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu người bào chữa của những người này, cơ quan điều tra, nhà tạm giữ, trại tạm giam có trách nhiệm phải thông báo ngay cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam để họ có ý kiến về việc nhờ người bào chữa. Nếu họ đồng ý nhờ người bào chữa thì thực hiện việc nhận đơn, chuyển đơn yêu cầu bào chữa theo quy định chung. Nếu họ từ chối nhờ người bào chữa thì lập biên bản về việc

từ chối và trong thời hạn không quá 12 giờ kể từ khi lập biên bản, cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo cho người bào chữa mà người đại diện hoặc người thân thích của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt nhờ; thống nhất về thời gian với người bào chữa để trực tiếp gặp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, xác nhận việc từ chối và phải lập biên bản. Đối với người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam thì trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi lập biên bản, cơ quan điều tra, nhà tạm giữ, trại tạm giam có trách nhiệm thông báo kèm theo biên bản cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam và cơ quan điều tra đang thụ lý vụ án biết (trong trường hợp nhà tạm giữ, trại tạm giam lập biên bản). Điều tra viên hoặc cán bộ điều tra có trách nhiệm thống nhất về thời gian với người bào chữa để trực tiếp gặp người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam xác nhận việc từ chối và lập biên bản.

2.2. Quy định của pháp luật hiện hành về chỉ định người bào chữa

Ngoài quyền tự bào chữa và quyền lựa chọn người bào chữa, quyền bào chữa của người bị buộc tội còn bao gồm quyền được các cơ quan có thẩm quyền tổ tụng chỉ định người bào chữa trong trường hợp luật định và họ không phải trả tiền cho người bào chữa. Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 thì người bị buộc tội “được nhận sự trợ giúp pháp lý theo chỉ định trong trường hợp lợi ích của công lý đòi hỏi và không phải trả tiền cho sự trợ giúp đó

(7). Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 193.

nếu không có đủ điều kiện trả”.⁽⁸⁾ Việc chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội trong những trường hợp cần thiết nhằm bảo đảm công bằng cho người bị buộc tội trong quá trình tố tụng, bảo đảm nguyên tắc nhân đạo của pháp luật và bảo đảm lợi ích của công lí: trường hợp thứ nhất, cần chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội không đủ năng lực hành vi vì đó là sự trợ giúp pháp lí cần thiết để họ thực hiện quyền bào chữa, bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật và quyền được xét xử công bằng. Trường hợp thứ hai, cần chỉ định người bào chữa cho những người bị buộc tội theo khung hình phạt nặng để bảo đảm việc giải quyết đúng đắn vụ án, hạn chế việc ra bản án sai, đặc biệt là đối với những trường hợp liên quan đến án tử hình và để bảo đảm cơ hội khách quan của bị cáo trong quá trình tố tụng. Quy định này còn thể hiện nguyên tắc nhân đạo của pháp luật nhằm bảo đảm không ai bị hạn chế, bị tước bỏ quyền con người, đặc biệt là quyền sống mà không có sự trợ giúp về mặt pháp lí của người bào chữa. Theo Bình luận chung số 32 của Ủy ban Công ước quốc tế về quyền bình đẳng trước tòa án và quyền được xét xử công bằng thì *“mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội là yếu tố quan trọng khi quyết định có cần bổ nhiệm một luật sư để bảo đảm lợi ích công lí và để bảo đảm cơ hội khách quan của bị cáo trong quá trình tố tụng. Trong trường hợp liên quan đến án tử hình, bị cáo phải được trợ giúp*

một cách có hiệu quả của một luật sư trong mọi giai đoạn tố tụng”.⁽⁹⁾ Ở Việt Nam, những trường hợp chỉ định người bào chữa được quy định tại Điều 76 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong các trường hợp sau đây nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ: 1) bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình (điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật TTHS năm 2015); 2) người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi (điểm b khoản 1 Điều 76 Bộ luật TTHS năm 2015). Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải yêu cầu hoặc đề nghị các tổ chức sau đây cử người bào chữa cho các trường hợp phải chỉ định bào chữa: đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử người bào chữa; trung tâm trợ giúp pháp lí nhà nước cử trợ giúp viên pháp lí, luật sư bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lí; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cử bào chữa viên nhân dân bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình (Điều 76 Bộ luật TTHS năm 2015). So với quy định của Bộ luật TTHS năm 2003, trường hợp được chỉ định người bào chữa được áp dụng đối với cả những bị can, bị cáo

(8). Trung tâm Nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 184.

(9). Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật, *Quyền con người - tập hợp những bình luận/khuyến nghị chung của Ủy ban công ước Liên hợp quốc*, Nxb. Công an nhân dân, 2010, tr. 372.

về tội mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân. Theo quy định này, số trường hợp cần phải chỉ định người bào chữa tăng lên gấp vài lần so với trước đây.⁽¹⁰⁾ Đây là bước phát triển của pháp luật TTHS trong việc ghi nhận quyền được có người bào chữa chỉ định cho người bị buộc tội, đồng thời quy định này cũng tăng cường trách nhiệm mà các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải bảo đảm thực hiện.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, nếu người đại diện hoặc người thân thích của những người thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa không có đơn yêu cầu nhờ người bào chữa thì cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục chỉ định người bào chữa. Khi nhận được văn bản phân công luật sư hoặc văn bản cử bào chữa viên nhân dân, trong thời hạn không quá 24 giờ, điều tra viên hoặc cán bộ điều tra có trách nhiệm gặp bị can thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật TTHS năm 2015; gặp người đại diện hoặc người thân thích của bị can để họ có ý kiến về việc chỉ định người bào chữa; việc gặp phải được lập biên bản và ghi rõ ý kiến của họ về việc có đồng ý hoặc thay đổi hoặc từ chối người bào chữa. Trường hợp đồng ý chỉ định người bào chữa thì cơ quan đang thụ lý vụ án làm căn cứ để tiến hành thủ tục đăng

kí bào chữa (các khoản 1, 2 Điều 5 Thông tư số 46/2019/TT-BCA). Trường hợp chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Bộ luật TTHS, nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đề nghị trung tâm, chi nhánh cử ngay người thực hiện trợ giúp pháp lý bào chữa cho họ, việc đề nghị được thực hiện bằng văn bản (khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 29/6/2018 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng).

2.3. Quy định của pháp luật hiện hành về thay đổi và từ chối người bào chữa

Người bào chữa do lựa chọn hay trong trường hợp chỉ định đều có thể bị thay đổi hoặc từ chối. Việc thay đổi hoặc từ chối người bào chữa được quy định tại Điều 77 Bộ luật TTHS năm 2015 như sau: Người bị buộc tội, người đại diện của người bị buộc tội; người thân thích của người bị buộc tội có quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa. Mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án, trừ trường hợp người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi. Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong giai đoạn điều tra

(10). Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, *Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo BLTTHS (sửa đổi)*, 2015, tr. 14: “Nếu mở rộng đến án tù chung thân thì so với hiện hành cần tăng 2 lần số lượng NBC bắt buộc; mở rộng đến 15 năm tù cần tăng gấp 8 lần số lượng NBC bắt buộc”.

có đề nghị từ chối người bào chữa do người thân thích của họ nhờ thì điều tra viên phải cùng người bào chữa đó trực tiếp gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để xác nhận việc từ chối. Trường hợp chỉ định người bào chữa, người bị buộc tội và người đại diện hoặc người thân thích của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa. Trường hợp thay đổi người bào chữa thì việc chỉ định người bào chữa khác được thực hiện theo quy định chung. Trường hợp từ chối người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập biên bản về việc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội hoặc người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội là người có nhược điểm về thể chất không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần, người dưới 18 tuổi và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa (Điều 77 Bộ luật TTHS năm 2015). Trường hợp thay đổi người bào chữa, nếu bị can, người đại diện hoặc người thân thích nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan của người bào chữa đó để phân công; nếu không nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm gửi đến tổ chức hành nghề luật sư, đoàn luật sư, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận đề cử lại người. Trường hợp từ chối người bào chữa thì cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đã cử người và người được cử chỉ định. Điều tra viên, cán bộ điều tra có trách nhiệm thống nhất với người được cử chỉ định về thời gian gặp bị can về tội mà BLHS quy định mức

hình phạt cao nhất của khung hình phạt là 20 năm, chung thân, tử hình; thống nhất với người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội là người có nhược điểm về thể chất không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần, người dưới 18 tuổi để xác nhận việc từ chối (các khoản 3, 4 Điều 5 Thông tư số 46/2019/TT-BCA).

Có thể nói, những quy định về quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa trong Bộ luật TTHS năm 2015 và được hướng dẫn trong Thông tư số 46/2019/TT-BCA, Thông tư số 10/2018 là cụ thể, chi tiết và cơ bản đã khắc phục được những bất cập, vướng mắc trong quy định của BLTTHS năm 2003. Những quy định này là bảo đảm pháp lý quan trọng để thực hiện quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa của người bị buộc tội, đặc biệt là đối với những người bị bắt, bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, bị tạm giam.

3. Kiến nghị hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về lựa chọn, thay đổi, từ chối và chỉ định người bào chữa

Quyền bào chữa là quyền hiến định, được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Tuy nhiên, quyền được xét xử công bằng, trong đó có quyền bào chữa là một trong những quyền tuyệt đối “*không bao giờ phát sinh nhu cầu hạn chế cho dù vì*

lợi ích công cộng”.⁽¹¹⁾ Qua nghiên cứu những quy định về quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa trong Bộ luật TTHS năm 2015, bên cạnh những tiến bộ như đã nêu ở phần trên, một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 còn ít nhiều hạn chế quyền bào chữa của người bị buộc tội, chưa thực sự quán triệt tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm quyền con người, quyền công dân, cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Cụ thể như sau:

- Sửa đổi một số quy định về lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa cho người bị buộc tội là người nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi.

Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi là những người năng lực hành vi của họ bị hạn chế, vì vậy pháp luật quy định đại diện của những người này tham gia tố tụng, trợ giúp cho người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa. Quyền bào chữa là quyền của người bị buộc tội, họ có quyền tự mình hoặc nhờ người khác bào chữa (có quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa, được cơ quan có thẩm quyền tố tụng chỉ định người bào chữa). Để giúp người bị buộc tội có năng lực hành vi hạn chế thực hiện quyền bào chữa, pháp luật Việt Nam cũng quy định đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội cũng có quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa (khoản 1 Điều 75 và khoản 1 Điều 77 Bộ luật TTHS năm 2015).

Quy định này là một trong những bảo đảm pháp lý cần thiết để những người bị buộc tội yếu thế, với năng lực hành vi hạn chế có được sự bình đẳng thực sự với các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi khác khi tham gia vào tố tụng hình sự. Từ đó góp phần bảo đảm thực hiện nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và nguyên tắc xét xử công bằng. Quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa của người bị buộc tội và đại diện hoặc thân thích của họ là quyền độc lập, không phải do uỷ quyền. Tuy nhiên, một số quy định của Bộ luật TTHS về lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa, đăng kí bào chữa cho người bị buộc tội là người nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi quy định chưa đầy đủ về quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa của người bị buộc tội và đại diện hoặc người thân thích của họ, cụ thể:

+ Điều 77 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án, trừ trường hợp người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi. Theo quy định này, nếu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi thì không cần sự đồng ý của người bị buộc tội. Quy định này đã hạn chế quyền thay đổi hoặc từ chối người bào chữa của những người này vì người bị buộc

(11). Tô Văn Hoà, tldđ, tr. 41.

tội có quyền được có người bào chữa theo lựa chọn của mình, nếu người bào chữa không đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của họ thì họ có quyền thay đổi hoặc từ chối người bào chữa, nếu đại diện của những người này từ chối người bào chữa thì phải được sự đồng ý của họ. Có ý kiến cho rằng *“việc loại bỏ quyền được thay đổi hoặc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần là hợp lí. Bởi vì, khi bị rơi vào trạng thái tâm thần hoặc nhược điểm về thể chất ở mức độ nặng thì khả năng tự thực hiện quyền của họ rất hạn chế”*.⁽¹²⁾ Quan điểm này là chưa phù hợp vì nếu khả năng thực hiện quyền của họ hạn chế thì phải giải quyết bằng việc hỗ trợ về pháp lí để giúp họ có thể thực hiện quyền chứ không phải tước bỏ quyền của họ. Trường hợp người bị buộc tội bị hạn chế về năng lực hành vi thì pháp luật quy định đại diện của họ cùng tham gia tố tụng và đại diện của họ là đại diện đương nhiên chứ không phải đại diện uỷ quyền. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 9 Bộ luật TTHS năm 2015) và bảo đảm xét xử công bằng (Điều 25 Bộ luật TTHS năm 2015) đòi hỏi không được hạn chế quyền của người buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần và người dưới 18 tuổi. Quy định tại khoản 1 Điều 77 Bộ luật TTHS với nội dung như trên là không bảo

đảm quyền được trình bày ý kiến của người bị buộc tội dưới 18 tuổi (khoản 4 Điều 414 BLTTHS năm 2015) và phân biệt đối xử với người có nhược điểm về thể chất, tâm thần (khoản 3 Điều 2 Luật Người khuyết tật năm 2010). Vì vậy, cần phải sửa đổi theo hướng: trong mọi trường hợp từ chối, thay đổi người bào chữa đều phải được sự đồng ý của người bị buộc tội.

+ Khoản 5 Điều 78 Bộ luật TTHS năm 2015 về đăng kí bào chữa quy định cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng kí bào chữa khi người bị buộc tội thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa từ chối người bào chữa. Quy định này chỉ đúng trong trường hợp người bị buộc tội thuộc điểm a khoản 1 Điều 76 của Bộ luật TTHS mà không đúng trong trường hợp người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 Bộ luật TTHS vì những người này bị hạn chế về năng lực hành vi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 77, đại diện hoặc người thân thích của những người này cũng có quyền từ chối người bào chữa vì vậy cần phải sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 78 Bộ luật TTHS để phân biệt rõ hai trường hợp từ chối việc đăng kí bào chữa đối với hai loại người bị buộc tội quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 76 Bộ luật TTHS.

+ Khoản 6 Điều 78 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng hạn chế quyền từ chối bào chữa của người bị buộc tội. Điều khoản này quy định *“văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp: người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa; người đại diện hoặc người thân thích*

(12). Trường Đại học Luật Hà Nội, *Chế định bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp khoa, 2020, tr. 106.

của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa". Theo quy định này, trong trường hợp người bị buộc tội là người có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi thì chỉ cần người đại diện hoặc người thân thích của họ từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa thì văn bản thông báo người bào chữa không còn giá trị sử dụng, đồng nghĩa với việc chấm dứt tham gia tố tụng của người bào chữa mà không cần ý kiến của người bị buộc tội. Quy định này là không tôn trọng quyền từ chối người bào chữa của người bị buộc tội và nếu như người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội vì những lí do khác nhau mà không bảo vệ quyền và lợi ích của người bị buộc tội thì quy định này có thể dẫn đến những hậu quả bất lợi cho người bị buộc tội. Khoản 2 Điều 291 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về sự có mặt của người bào chữa tại phiên toà sơ thẩm hình sự như sau: *"Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt thì hội đồng xét xử phải hoãn phiên toà, trừ trường hợp bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa*". Theo quy định này, chỉ cần một trong hai người, hoặc bị cáo, hoặc người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa là hội đồng xét xử có thể tiếp tục xét xử không phải hoãn phiên toà. Quy định như vậy là không đầy đủ, không bảo đảm quyền từ chối người bào chữa của người bị buộc tội. Vì vậy, chỉ khi

cả bị cáo và người đại diện đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa thì hội đồng xét xử mới có thể tiếp tục xét xử, còn nếu bị cáo hoặc người đại diện của họ yêu cầu hoãn phiên toà khi vắng mặt người bào chữa thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên toà. Vấn đề này trước đây đã được hướng dẫn cụ thể tại mục d.2 khoản 3 mục II Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "Những quy định chung" của Bộ luật TTHS năm 2003 với những nội dung bảo đảm phù hợp được quyền bào chữa của bị cáo cũng như quyền của người đại diện của bị cáo.⁽¹³⁾

Trên cơ sở những phân tích nêu trên, cần sửa đổi, bổ sung các điều 77, 78 và Điều 291 Bộ luật TTHS năm 2015 theo hướng quy định đầy đủ các chủ thể có quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa, cụ thể như sau:

"Điều 77. Thay đổi hoặc từ chối người bào chữa

1. Những người sau đây có quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa:

- a) Người bị buộc tội;
- b) Người đại diện của người bị buộc tội;
- c) Người thân thích của người bị buộc tội.

Mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án.

(13). Mục d.2 khoản 3 mục II Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "Những quy định chung" của Bộ luật TTHS năm 2003.

2. (giữ nguyên)

3. (đoạn 1, 2 giữ nguyên)

Trường hợp từ chối người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập biên bản về việc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa”.

“Điều 78. Thủ tục đăng ký bào chữa

Khoản 1, 2, 3, 4. (giữ nguyên)

5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng ký bào chữa khi thuộc một trong các trường hợp:

a) (giữ nguyên)

b) Người bị buộc tội thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa từ chối người bào chữa; người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này và người đại diện hoặc người thân thích của họ từ chối người bào chữa.

6. Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp:

a) (giữ nguyên)

b) Người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này và người đại diện hoặc người thân thích của họ từ chối người bào chữa.

7. (giữ nguyên)

“Điều 291. Sự có mặt của người bào chữa

1. (giữ nguyên)

2. Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo và đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 422 về bào chữa trong thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi

Quy định tại khoản 1 Điều 422 Bộ luật TTHS năm 2015: “người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa” không thống nhất với nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội quy định tại Điều 16 Bộ luật TTHS năm 2015 với nội dung người bị buộc tội đồng thời có cả quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa. Khoản 2 của Điều 422 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định trách nhiệm chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi thuộc về cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án là chưa bao hàm hết các chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền bào chữa theo quy định tại Điều 16 Bộ luật TTHS, còn các cơ quan khác có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 và 2 Điều 422 Bộ luật TTHS năm 2015 cho phù hợp với quy định tại Điều 16 Bộ luật TTHS năm 2015”, cụ thể:

“Điều 422. Bào chữa

1. Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa, nhờ người khác bào chữa.

2. (giữ nguyên)

3. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này”.

- *Bổ sung quy định về chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo trong thủ tục rút gọn*

Thủ tục rút gọn được áp dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm khi có đủ các điều kiện: người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang hoặc người đó tự thú; sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng; tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng; người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng. Thủ tục rút gọn được áp dụng trong xét xử phúc thẩm khi có một trong các điều kiện trên và chỉ có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo (Điều 456 Bộ luật TTHS năm 2015). Thời gian điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm rút ngắn chỉ còn tối đa là 42 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố bị can đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm. Việc áp dụng thủ tục rút gọn ở Việt Nam không cần điều kiện phải có sự đồng ý của bị can, bị cáo và cũng không có những quy định có lợi hơn cho bị can, bị cáo so với thủ tục bình thường. Ngược lại, thủ tục này có thể gây ra những hạn chế cho việc thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Vì vậy, khi áp dụng thủ tục rút gọn, vấn đề cần đặc biệt quan tâm là việc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Thời gian điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút ngắn chỉ còn tối đa là 42 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố bị can đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm. Khi thời hạn điều tra, truy tố, xét xử rút ngắn, việc bị can, bị cáo chuẩn bị cho việc tự bào chữa hay liên hệ và nhờ người bào chữa cho mình là rất khó khăn và khó có thể cẩn thận, đầy đủ. Khi quyền bào chữa của bị can, bị cáo không được đảm bảo sẽ ảnh hưởng đến việc

giải quyết đúng đắn vụ án, ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo, đồng thời làm cho bị can, bị cáo không yên tâm, không thoả mãn với kết quả giải quyết của tòa án, dễ dẫn đến việc kháng cáo phúc thẩm. Bất cập này là một trong những lí do dẫn đến việc trước đây (khi Bộ luật LTTHS năm 2003 quy định viện kiểm sát có thể áp dụng thủ tục rút gọn khi đủ điều kiện), viện kiểm sát còn rất thận trọng trong việc lựa chọn áp dụng thủ tục rút gọn” tỉ lệ vụ án áp dụng thủ tục rút gọn rất thấp”.⁽¹⁴⁾ Theo nguyên tắc chung, người bị buộc tội bình đẳng về quyền được “có đủ thời gian và điều kiện thuận lợi để chuẩn bị bào chữa và liên hệ với người bào chữa do chính mình lựa chọn” (điểm b khoản 3 Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966), “điều khoản này là một yếu tố quan trọng của việc bảo đảm xét xử công bằng và áp dụng các nguyên tắc bình đẳng quyền”.⁽¹⁵⁾ Bị can, bị cáo bị áp dụng thủ tục rút gọn là người không có đủ thời gian và điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt quyền bào chữa như các bị can, bị cáo được áp dụng thủ tục bình thường. Vì vậy, để bảo đảm quyền bào chữa của họ, cần coi đây là trường hợp phải chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo để bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật

(14). Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật TTHS năm 2003, ngày 19/1/2015*. Báo cáo nêu trích dẫn theo Báo cáo số 205/TANDTC-KHXX ngày 02/10/2012 của Tòa án nhân dân tối cao về Tổng kết việc thi hành Bộ luật TTHS năm 2003, có xấp xỉ 0,5 % số vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn.

(15). Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật, sđd, tr. 370.

và bảo đảm xét xử công bằng. Cụ thể, cần bổ sung Điều 76 Bộ luật TTHS như sau:

“Điều 76. Chỉ định người bào chữa

1. Trong các trường hợp sau đây nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ:

a, b, (giữ nguyên)

c, *Bị can, bị cáo trong trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn*”.

Quyền bào chữa là quyền đặc thù của người bị buộc tội và bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội là nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự. Việc ghi nhận quyền bào chữa và ghi nhận trách nhiệm bảo đảm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, ghi nhận các thủ tục nhằm thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền bào chữa trong Bộ luật TTHS là bảo đảm pháp lí hết sức cần thiết. Các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 về lựa chọn, thay đổi, từ chối, chỉ định người bào chữa và một số văn bản hướng dẫn thực hiện là chi tiết, cụ thể và đầy đủ, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định cần được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn để bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. Bộ Tư pháp, *Thuật ngữ pháp lí phổ thông, tập 1*, (bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Quốc Việt, Đinh Thế Công, Nguyễn Bình), Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 1986.
3. Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi (chủ biên), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb. Đại học Quốc gia, 2019.
4. Chương trình phát triển Liên hợp quốc, *Báo cáo nghiên cứu quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn ở Việt Nam*, Hà Nội, 02/8/2010.
5. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật, *Quyền con người - tập hợp những bình luận/khuyến nghị chung của Ủy ban công ước Liên hợp quốc*, Nxb. Công an nhân dân, 2010.
6. Đảng đoàn Liên đoàn Luật sư Việt Nam, *Báo cáo số 26-BC/ĐDLĐLSVN ngày 18/7/2013 về thực trạng hành nghề luật sư trong hoạt động tố tụng hình sự*.
7. Tô Văn Hoà, “*Tư tưởng hạn chế quyền con người và nội dung nguyên tắc hạn chế quyền con người hiến định theo Hiến pháp năm 2013*”, *Tạp chí Luật học*, số 8/2016.
8. Hoàng Thị Sơn, *Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2003.
9. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
10. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Chế định bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp khoa, 2020.
11. Nguyễn Văn Tuấn, *Quyền bào chữa và vai trò của luật sư trong tố tụng hình sự*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2003.